

Bản án số: 24/2017/HNGĐ - ST  
Ngày 22 - 9 - 2017  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Bích Thuần.

Ông Nguyễn Quang Thái.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:***  
Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993

Hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cư trú tại: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

Cư trú tại: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/6/2017 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị L kết hôn ngày 13/9/2013 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng anh vào trong Thôn 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Tuy nhiên do tính tình không hợp nhau và do chị L không thích nghi được cuộc sống trong đó nên đến ngày 25/3/2014 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã B, huyện B để sinh sống cắt đứt khỏi gia đình nhà anh. Hiện chị L và con gái của vợ chồng anh là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 27/7/2014 đang ở cùng bố mẹ đẻ chị L là ông N và bà T ở thôn V, xã B từ khi chị L về quê sinh sống đến nay anh đã nhiều lần động viên chị vào lại L để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không vào.

Anh được biết chị L có đi làm công nhân, ở trong khu công nghiệp B, còn làm ở công ty gì, thu nhập như thế nào anh không rõ. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị L nên anh xin ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 27/7/2014 hiện nay cháu đang ở với chị L; ly hôn anh đồng ý để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L số tiền là 1 triệu/1 tháng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Thu nhập hàng tháng của anh từ 4 đến 5 triệu đồng/1 tháng.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị L nhưng chị L đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn N là bố đẻ của chị L trình bày quan điểm như sau: Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị L, chị L hiện có hộ khẩu và đang sinh sống cùng ông và gia đình ở thôn V, xã Bn. Năm 2013 gia đình ông tổ chức việc cưới xin cho chị L và anh T, sau khi kết hôn thì chị L và anh T vào Miền nam làm ăn. Quá trình chung sống chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân do ai thì ông không nắm được, đến năm 2014 thì chị L bỏ về nhà ông sinh sống từ đó đến nay, hai bên gia đình đã hòa giải động viên nhưng anh chị không đoàn tụ được. Nay anh T xin ly hôn gia đình ông và chị L đồng ý để Tòa án giải quyết ly hôn giữa hai bên. Về con chung ông đề nghị giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ vì cháu Đ ở với chị L từ trước đến nay, mặt khác chị L cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Đ và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L với số tiền là từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/01 tháng kể từ khi sinh cháu Đ đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi vì hiện nay thu nhập của chị L thấp.

Xác minh tại địa phương cho biết: Chị L có hộ khẩu và đang sinh sống cùng gia đình ở thôn V, xã B; theo sổ sách lưu giữ tại địa phương thể hiện trước đây sau khi kết hôn với anh T thì chị L chuyển khẩu vào Lâm Đồng, nhưng sau đó ngày 25 tháng 3 năm 2014 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã B đồng thời chuyển khẩu về xã B và ở đó cho đến nay. Anh T xin ly hôn với chị L địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, chị L là bị đơn đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị L không lên Tòa trình bày quan điểm do đó chị L tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L; về con chung giao cho chị L trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L với số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu được ly chị Nguyễn Thị L, do đó đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn Chị Nguyễn Thị L hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đối với chị L quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Chị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh T và chị L là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa anh T và chị L thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa anh T và chị L có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như anh T trình bày vợ chồng tính tình không hợp nhau, mặt khác chị L không thích nghi được cuộc sống quê chồng, không khắc phục được khó khăn nên chị đã về quê ở xã B sinh sống. Anh và gia đình đã hòa giải và động viên nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2014 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị L không có mặt để trình bày ý kiến về mâu thuẫn hay xin đoàn tụ. Trong khi đó ông N là bố đẻ của chị L đồng thời thông báo lại ý kiến của chị L cho biết, thực tế vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng nguyên nhân chính là do anh T không có trách nhiệm với chị L và cháu Đ, từ khi chị L có bầu và sinh con anh T không quan tâm gì, quan điểm của chị L là đồng ý ly hôn với anh T còn lý do chị không đến Tòa án làm việc được vì chị phải đi làm.

Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị L có một con chung là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 27/7/2014, hiện nay cháu đang ở với chị L. Quá trình giải quyết vụ án chị L không đến Tòa án làm việc, tuy nhiên gia đình chị L cho biết ý kiến của chị L là có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L với số tiền là từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/01 tháng kể từ khi sinh cháu Đ đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi vì hiện nay thu nhập của chị thấp. Ý kiến anh T đồng ý để chị L nuôi cháu Đ và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Do đó giao cháu Đ cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Anh T không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu có tài sản và các đương sự có đề nghị thì sẽ được

giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Anh T phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2014 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L số tiền 1.000.000đồng/1tháng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị L có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002249 ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Bá Hiến;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Xuân Trọng**